

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2026

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê;

2. Ông Lương Hữu Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ý Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tân An, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2026/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2026 và Thông báo về việc dời thời gian mở phiên toà số 01/TB-TA, ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn Ph, sinh ngày 01/01/1968. Địa chỉ: Ấp Lạc Th, xã Ngũ L, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Long H, xã Hiệp M, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ph trình bày:

Vào khoảng năm 1992, qua thời gian quen biết và tìm hiểu nên ông và bà Trần Thị Th xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng khoảng 03 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn về lối sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc

lẫn nhau nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với chị Trần Thị Th.

Về con chung tên: Huỳnh Đức Ph, sinh năm 1993; Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1993 hiện 02 con đã thành niên và sống tự lập nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác. Tại phiên toà, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết bà Trần Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Quá trình xác lập hôn nhân ông Phương trình bày là đúng. Quá trình chung sống do không hợp nhau về lối sống và vợ chồng không còn thương yêu quan tâm chăm sóc nhau, nên vợ chồng bà đã ly thân khoảng 03 năm nay. Nay ông Phương yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý với ông Huỳnh Văn Ph.

- Về con chung tên: Huỳnh Đức Ph, sinh năm 1993; Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1993 hiện 02 con đã thành niên và sống tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác. Tại phiên toà, bị đơn bà Trần Thị Th có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Huỳnh Văn Ph và bà Trần Thị Th là vợ chồng

- Về con chung tên: Huỳnh Đức Ph, sinh năm 1993; Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1993 đã thành niên, ông Ph và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông Ph và bà T tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Ph và bà T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Văn Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Phân kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Huỳnh Văn Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn Trần Thị Th, địa chỉ: Ấp Long Hanh, xã Hiệp Mỹ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Ông Ph và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống ông Ph và bà T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định, từ đó xác định hôn nhân giữa ông Ph và bà T là không hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn Ph xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là do thường xuyên xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, hiện tại ông không còn tình cảm với bà T. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Th.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Th trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng bà là do thường xuyên cự cãi về lối sống và vợ chồng không còn thương yêu quan tâm chăm sóc nhau, nên vợ chồng bà đã ly thân khoảng 03 năm nay. Nay ông Huỳnh Văn Ph yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Văn Ph.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ph và bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông, bà là trầm trọng không hàn gắn được. Ông Ph cương quyết ly hôn với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có lời trình bày bà

đồng ý ly hôn với ông Ph. Xét thấy, tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân ông Phuong và bà T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 Nhà nước tuyên truyền phát động việc đăng ký kết hôn quá hạn nhưng ông, bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn quá hạn mà tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Văn Ph và bà Trần Thị Th là vợ chồng.

[4] Về con chung tên: Thời gian chung sống ông Ph và bà T có hai con chung tên Huỳnh Đức Ph, sinh năm 1993; Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1993 đã thành niên, ông Ph và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Ông Ph và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung của vợ chồng: Ông Ph và bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Huỳnh Văn Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Huỳnh Văn Ph.

- *Về hôn nhân*: Không công nhận ông Huỳnh Văn Ph và bà Trần Thị Th là vợ chồng.

- *Về con chung tên*: Huỳnh Đức Ph, sinh năm 1993; Huỳnh Thị Tố Q, sinh năm 1993 đã thành niên, ông Phuong và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung của vợ chồng*: Ông Ph và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung của vợ chồng*: Ông Ph và bà T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc ông Huỳnh Văn Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Phương đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004331, ngày 12 tháng 3 năm 2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Ông Phương đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Ông Huỳnh Văn Ph và bà Trần Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà